

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/HNGĐ-ST

Ngày 01 - 7- 2019

V/v chị L xin ly hôn anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh

N

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019. Về vụ án Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 15 Đào Thượng, xã N, huyện N, tỉnh N

+ Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm 15 Đào Thượng, xã N, huyện N, tỉnh N

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 15/3/2019 cũng như lời khai của chị Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn Đ vào tháng 12/2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên luôn bất đồng về quan điểm sống, anh Đ chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần

khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không được cải thiện. Từ tháng 02/2019 đến nay chị và anh Đ sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn nên chị xin được ly hôn anh Phạm Văn Đ. Về con chung giữa chị và anh Phạm Văn Đ có một con chung là Phạm Bảo Khsinh ngày 24/4/2016, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Kh và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh Phạm Văn Đ không có nên chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn Đ vắng mặt nhưng anh Đ có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Nguyễn Thị L về việc kết hôn và quá trình sống chung giữa anh và chị L. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân là do chị L sống không chung thủy với anh. Đã nhiều lần anh khuyên giải nhưng chị L vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng. Từ tháng 02/2019 đến nay anh và chị L sống ly thân nhau. Nay chị L xin ly hôn anh thì anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn nên anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị L. Về con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị L có một con chung là cháu Phạm Bảo Kh sinh ngày 24/4/2016, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Nay chị L nhận nuôi cháu Kh và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L thì anh nhất trí. Về tài sản chung giữa anh và chị Nguyễn Thị L thì anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N Nay chị L xin ly hôn anh Đ và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Phạm Văn Đ vắng mặt nhưng anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai, vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ được tổ chức kết hôn vào tháng 12/2008, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của

pháp luật. Sau khi kết hôn chị L và anh Đ chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau và anh Đ nghi ngờ chị L sống không chung thủy với anh. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Đ không được cải thiện. Từ tháng 02/2019 đến nay chị L và anh Đ sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị L xin ly hôn anh Đ và phía anh Đ cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ có một con chung là Phạm Bảo Kh sinh ngày 24/4/2016, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Nay chị L xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L và phía anh Đ cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ.

2- Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo Kh sinh ngày 24/4/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng (hiện chị Nguyễn Thị L đang quản lý nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo Kh). Anh Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị L đối với cháu Phạm Bảo Kh. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2012/06410 ngày 27/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh Đ. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Văn Rạng

Đàm Văn Kiều

Trần Xuân Dũng